TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST Ngày 15-4-2022 *V/v " Ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hẩn;**

2. Bà **Phan Thị Thùy Vân.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Thân Văn Danh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Yến A**, sinh năm 1987; Địa ch: đường B, khu phố N phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Huang Chi Fu,** sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 270, đoạn 1, lộ Diên Hải, khóm 002, thôn Ôn Từ, xã Tuyền Tây, huyện Chương Hóa, Đài Loan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Yến A trình bày:

Chị và anh Huang Chi Fu sống chung với nhau từ tháng 01-2018 đến tháng 5-2019 tại Đài Loan, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-9-2019. Sau khi đăng ký kết hôn chị sống tại Việt Nam, đến tháng 02-2020 anh Huang Chi Fu không quay lại Việt Nam, anh Huang Chi Fu không bảo lãnh chị sang Đài Loan sinh sống, đoàn tụ. Đến tháng 01-2020 chị và anh Huang Chi Fu không còn sống chung và cũng không liên lạc cho đến nay. Thời gian chung sống với nhau chị nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc, bất đồng về ngôn ngữ, không hiểu nhau, tính tình và cách sống không phù hợp, khoảng cách địa lý xa xôi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Huang Chi Fu.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huang Chi Fu được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt hợp lệ thông qua cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan nhưng anh Huang Chi Fu vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Yến A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huang Chi Fu là người có quốc tịch Đài Loan và đang cư trú tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp vào ngày 17-6-2021 cho Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan để thông báo cho anh Huang Chi Fu biết về vụ án, yêu cầu anh Huang Chi Fu có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Yến A và triệu tập anh đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Huang Chi Fu không có ý kiến và cũng không tham gia phiên tòa theo triệu tập của Tòa án. Chị Yến A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Yến A và anh Huang Chi Fu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Yến A thấy rằng: chị Yến A và anh Huang Chi Fu tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam nên quan hệ hôn nhân anh chị là hợp pháp được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ. Do bất đồng về ngôn ngữ, cách sống không phù hợp, khoảng cách địa lý xa xôi nên anh chị chỉ chung sống trong thời gian ngắn, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Yến A đối với anh Huang Chi Fu là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung, tài sản chung, nợ chung: chị Yến A trình bày không có

nên không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí: Chị Phạm Thị Yến A phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Yến A đối với anh Huang Chi Fu.

Chị Phạm Thị Yến A và anh Huang Chi Fu được ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị Yến A trình bày không có.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Phạm Thị Yến A phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào Biên lai thu số: 0001674 ngày 01-6-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp xong.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Yến A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Yến A đã nộp theo biên lai thu số 0001648 ngày 13-5-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ghi nhận đã nộp xong.

Chị Phạm Thị Yến A được quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày; anh Huang Chi Fu có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại TP.HCM;*
- *Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh;*
- *Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi:

“Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viêncủa Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Toà án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản

án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Sau khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 09/2010/QĐST-KDTM ngày 01/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, Cục Thi hành Dân sự tỉnh Tây Ninh đã tiến hành kê biên đối với nhà và đất thửa số 904, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phước Tân 1, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để thanh toán cho Ngân hàng An Bình số tiền nợ gốc là148.105.000 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 81.895.000 đồng. Nay Ngân hàng An Bình yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền nợ gốc là 81.895.000 đồng và số tiền nợ lãi là 138.608.619 đồng, tổng cộng là 216.503.619 đồng, bà không đồng ý, bàchỉ đồng ý cùng ông Dũng, bà Hương trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 81.895.000 đồng. Bà không đồng ý đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng An Bình, bà yêu cầu ông Dũng, bà Hương tiếp tục được sử dụng diện tích đất tranh chấp.

Tại Kháng nghị tái thẩm số 08/2016/KN-KDTM ngày 03-3-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Kháng nghị một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/QĐST-KDTM ngày 01-6-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tái thẩm theo hướng hủy một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/QĐST-KDTM ngày 01-6-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về xử lý tài sản bảo đảm là là hai thửa đất số 366, 367 theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số EA078961 và EA078962, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02194 và H02195 do Ủy ban nhân dân Huyện Dương Minh Châu cấp ngày 12-5-2006.